Mẫu số 40-DS (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐTP ngày 13 tháng 01 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐĂK HÀ
TỈNH KOM TUM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 93 /2017/QĐST-HNGĐ

Đăk Hà, ngày 19 tháng 9 năm 2017.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ Việc dân sự thụ lý số: 99/2017/TLST/HNGĐ, ngày 06 tháng 9 năm 2017, giữa:

- Chị Vi Thị T, sinh năm 1981.
- Anh Nông Văn Th, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Cùng trú tại thôn a, xã B, huyện H, tỉnh Kon Tum.

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213; Điều 361 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 9 năm 2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 9 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Vi Thị T và anh Nông Văn Th.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Vi Thị T và anh Nông Văn Th tự nguyện thoả thuận, thuận tình ly hôn.
- Về con chung: Các đương sự công nhận vợ chồng có hai con chung tên là Nông Quốc H, sinh ngày 25/9/2003 và Nông Chí V, sinh ngày 18/6/2007. Các đương sự thoả thuận giao cháu H cho anh Th trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và sống tự lập được. Giao cháu V cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và sống tự lập được. Không bên nào phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung. Việc nuôi con

và cấp dưỡng nuôi con không cố định, anh, chị có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ nần: Các đương sự tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề cập**.**

- Về Lệ phí dân sự sơ thẩm *(Thuận tình ly hôn)***:**

Áp dụng Điều 144; khoản 2 Điều 149 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 4; Điều 6; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 36; khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễm, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Lệ phí giải quyết việc dân sự là 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)*, các đương sự phải chịu. Chị Vi Thị T nhận nộp số tiền này, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng Lệ phí giải quyết việc dân sự mà chị T đã nộp 300.000đ *(ba trăm ngàn đồng)* theo biên lai số AA/2010/0009259, ngày 06 tháng 9 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum. Chị Vi Thị T đã nộp đủ tiền lệ phí giải quyết việc dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Áp dụng Điều 26 Luật thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN
(ĐÃ KÝ)

NGUYỄN DUY NGỮ

Nơi nhận:
- Tòa cấp cao Đà Nẵng;
- Tòa án ND tỉnh Kon Tum;
- Chi cục THADS huyện;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng kết hôn;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.